TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 610/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08-9-2020
V/v: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Trọng Thái

2. Bà Lê Thị Thanh Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huế – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 857/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1977
Thường trú: 37/1A Đường P, Phường B, quận N, TP.HCM.
Tạm trú: 220/9 Đường H, Phường C, quận N, TP.HCM. *(Có mặt).*

2. Bị đơn: Ông Lê Phước K, sinh năm 1961
Thường trú: 37/1A Đường P, Phường B, quận N, TP.HCM.
(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn nộp Tòa án ngày 30/10/2019 và trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày*:

Bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Lê Phước K tự nguyện chung sống với nhau năm 1998, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01/98 ngày 18/02/1998 tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận P, TP.HCM.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau tại địa chỉ 37/1A Đường P, Phường B, quận N, TP.HCM. Đến tháng 8/2019, hai vợ chồng xảy ra xung đột, bà A đi ra ngoài thuê nhà sống tại địa chỉ số 220/9 Đường H, Phường C, quận N, TP.HCM cho đến nay.

Bà A trình bày vợ chồng có nhiều bất đồng trong suốt thời gian hôn nhân. Mâu thuẫn xảy ra từ khi bà mang thai đưa con gái sinh năm 1999. Nguyên nhân từ mối quan hệ không trong sáng của ông K và học trò của ông. Thời gian sau đó là mâu thuẫn về kinh tế gia đình, kinh tế gia đình chủ yếu do một mình bà gánh vác và lo chi phí học hành cho 2 con. Đỉnh điểm mâu thuẫn là ngày 23/02/2019, ông K đã xúc phạm bà A trước mặt cha mẹ ruột, anh chị em và các cháu của bà vì cho rằng bà có hành vi ngoại tình. Từ tháng 8/2019, sau khi bị ông K đuổi ra khỏi nhà trong đêm, bà đã ra ngoài thuê nhà sống cho đến nay.

Bà A trình bày bản thân bà đã suy nghĩ rất kỹ trước khi nộp đơn xin ly hôn, không phải là hành động nông nổi, nhất thời thiếu suy nghĩ. Hơn 8 tháng thuê nhà sống ngoài, vợ chồng ly thân, bà tự nhận thấy tình cảm, sự tôn trọng dành cho chồng không còn. Sự gia trưởng, ích kỷ của ông K thể hiện ngày càng lớn, ông K cho rằng muốn giữ gia đình vì muốn giữ thể diện của ông ấy, đạp đổ tất cả mọi sự hy sinh của bà, đạo đức của bà và gia đình bà đã không được ông K xem trọng. Những bằng chứng mà ông K nộp Tòa án để chứng minh bà có hành vi ngoại tình, bà đã được biết vì ông K đã nộp tại Ủy ban nhân dân Phường S, quận T và nay là nộp cho Tòa án. Nếu muốn bà quay về đoàn tụ gia đình thì ông K phải có cách hành xử khác nhưng đằng này ông lại tìm mọi bằng chứng để chứng minh bà ngoại tình và ông K là người tha thứ cho bà. Ba năm nay một mình bà chu cấp cho hai con ăn học nên ông K cũng đừng lấy lý do là vì con mà níu kéo bà.

Do đó, nguyện vọng của bà là được Tòa án xem xét, giải quyết cho ly hôn với ông K.

- Về con chung: Có 02 (*hai*) con chung tên: Lê Ánh D, sinh ngày 06/7/1999 và Lê Phước Q, sinh ngày 27/6/2000: Đều đã thành niên.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà A xác định không có.

** Bị đơn ông Lê Phước K trình bày trong các bản khai và các biên bản hòa giải tại Tòa án:*

Về thời gian đăng ký kết hôn và nơi ở của vợ chồng như bà A trình bày là đúng.

Về yêu cầu ly hôn của bà A, ông K không đồng ý vì không có lý do gì để ông bà phải ly hôn.

Những lý do bà A nêu ra để yêu cầu được ly hôn là không đúng. Ông K cho rằng nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc bà A nộp đơn xin ly hôn với ông là bà bị một người đàn ông (vốn là bạn bè quen biết từ rất lâu của gia đình ông) lôi kéo và dẫn đến có quan hệ ngoại tình với nhau. Khi ông phát hiện ra sự thật này, ông không chấp nhận được. Đã có lúc ông cũng muốn thống nhất để giải quyết chuyện ly hôn với bà A nhưng sau đó ông đã suy nghĩ lại ông không thể để gia đình mình bị tan vỡ, các con ông phải chịu cảnh bố mẹ ly hôn.

Ông K cho rằng bà A nói hơn 10 năm nay ông bà chung sống không hạnh phúc là không đúng vì nếu không hạnh phúc thì gia đình ông không thể có được những thành quả như ngày hôm nay, hai con ông thiếu sự chăm lo của ông thì không thể học hành giỏi giang như vậy. Nếu ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà A đồng nghĩa với việc ông là người đàn ông có lỗi, trong khi chính bà A mới là người có lỗi vì đã có hành vi ngoại tình. Bà A đã vi phạm Luật hôn nhân gia đình nhưng ông sẵn sàng chấp nhận, tha thứ vì

mong muốn gia đình đoàn tụ, con cái có đủ cả cha lẫn mẹ. Do đó, ông K không đồng ý ly hôn với bà A.

Ông K cũng xác nhận vợ chồng ông đã ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng ông không gặp nhau và không nói chuyện trực tiếp được với nhau.

- Về con chung: Có 02 (*hai*) con chung tên: Lê Ánh D, sinh ngày 06/7/1999 và Lê Phước Q, sinh ngày 27/6/2000: Đều đã thành niên.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông K xác định không có.

* Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành. Do đó, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

* *Tại phiên tòa hôm nay*:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày: Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà đã quá trầm trọng, đời sống chung vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, việc kéo dài mối quan hệ hôn nhân này chỉ làm quan hệ giữa hai bên căng thẳng và mệt mỏi, gây thêm tổn thương cho bà, do đó bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông K.

- Bị đơn ông Lê Phước K trình bày: Bà A đã có hành vi ngoại tình là vi phạm Luật Hôn nhân gia đình, nhưng ông vẫn sẵn sàng tha thứ để các con ông có đầy đủ cả cha lẫn mẹ, gia đình ông được đoàn tụ; ông mong muốn bà A suy nghĩ kỹ lại về việc ly hôn, ông có thể chấp nhận việc vợ chồng sống ly thân nhưng ông không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà A.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án*:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử của vụ án đã bị trễ hạn so với quy định của pháp luật, kiến nghị Tòa án khắc phục.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ do Tòa án thu thập và do nguyên đơn, bị đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn ông Lê Phước K có hộ khẩu thường trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận theo thủ tục tố tụng dân sự.

[2]. *Về việc triệu tập người tham gia tố tụng trong vụ án:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và Tòa án thu thập được, xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để giải quyết vụ án nên ngoài nguyên đơn, bị đơn, Tòa án không triệu tập thêm người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3]. *Về nội dung*:

[3.1]. *Về quan hệ hôn nhân*:

Bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Lê Phước K tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông K là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân vợ chồng phải được xây dựng và phát triển dựa trên sự gắn bó tự nguyện giữa đôi bên bằng tình yêu thương, sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau. Tuy nhiên, trong cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng bà A và ông K thì những điều cơ bản trên đã không còn đạt được.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bà A trước sau luôn khẳng định tình cảm thương yêu và sự tôn trọng dành cho ông K không còn; Bà A trình bày chính những hành vi và cư xử của ông K trong suốt thời gian qua đã đào sâu thêm những mâu thuẫn vốn tồn tại từ lâu trong mối quan hệ vợ chồng giữa ông bà và gây nên sự tổn thương nghiêm trọng về mặt tâm sinh lý và tình cảm cho bà.

Về phía bị đơn ông K: Ông liên tục đưa ra các bằng chứng như hình ảnh, tin nhắn, đơn thư tố cáo…về người đàn ông đã có quan hệ ngoại tình với vợ ông (bà A), mục đích là để cho rằng nguyên nhân đổ vỡ của gia đình ông là do có người thứ ba xen vào, chứ bản thân bà A theo ông trình bày từ trước đến nay là một người phụ nữ hết lòng vì gia đình và chồng, con. Dù bà A đã vi phạm Luật hôn nhân gia đình nhưng ông vẫn sẵn sàng tha thứ tất cả để cho vợ chồng được đoàn tụ, con cái có đủ cả cha lẫn mẹ.

Xét thấy: Về những tài liệu, chứng cứ do ông K cung cấp cho Tòa án gồm đơn thư tố cáo, kết luận tố cáo của cơ quan nơi người đàn ông bị tố cáo có hành vi ngoại tình với bà A công tác; những tin nhắn trao đổi giữa bà A và bạn bà A, những đơn thư gửi phản ánh và biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân Phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nơi người đàn ông bị phản ánh có hành vi ngoại tình với bà A cư trú), đơn thư phản ánh gửi đến Công an Phường C, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (nơi cư trú hiện nay của bà A), hình ảnh bà A đi xe chung, đi ăn chung với người đàn ông và gia đình của người đàn ông bị cho là có hành vi ngoại tình với bà A….Tất cả các tài liệu, chứng cứ nêu trên không đủ cơ sở pháp lý để cho rằng giữa bà A và người đàn ông này đã có hành vi vi phạm pháp luật Hôn nhân gia đình. Vì theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về "Bảo vệ chế độ hôn nhân gia đình" thì chỉ cấm hành vi: "*Người đang có vợ, chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như*

vợ chồng với người đang có chồng, có vợ". Việc chung sống với người khác như vợ chồng được quy định tại khoản 7 Điều 3 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: "*Chung sống như vợ chồng là việc nam, nữ tổ chức cuộc sống chung và và coi nhau là vợ chồng*".

Mặt khác, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn ông K trình bày bà A ngoại tình nhưng ông sẵn sàng tha thứ, bỏ qua tất cả để gia đình được đoàn tụ. Tuy nhiên, hành vi và cách cư xử của ông K trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và dẫn đến ly thân đã đi ngược lại với lời trình bày nêu trên, không thể hiện được thiện chí muốn đoàn tụ gia đình của ông K. Bởi vì, trong mối quan hệ vợ chồng, nếu người vợ (hoặc người chồng) là người có lỗi, thì sự tha thứ và sẵn sàng bỏ qua tất cả không phải là hành vi cố tình bằng mọi cách đi tìm bằng chứng để tố cáo vợ mình có hành vi ngoại tình. Cách làm này của ông K đã làm cho mối quan hệ giữa vợ chồng ông trở nên căng thẳng, trầm trọng, gây sự tổn thương sâu sắc cho bà A và chính bản thân ông K, con cái và gia đình đôi bên. Với những hành vi và cư xử này của ông K, thì việc vợ chồng ông bà về chung sống, đoàn tụ với nhau không còn đảm bảo hạnh phúc. Ông K trình bày lý do lớn nhất mà ông không muốn ly hôn là vì muốn giữ gia đình, hai con ông không phải chịu cảnh bố mẹ ly hôn. Tuy nhiên, hai con của ông bà là Lê Ánh D, sinh ngày 06/7/1999 và Lê Phước Q, sinh ngày 27/6/2000: Đều đã thành niên, ngoài ra em Lê Phước Q cũng đã có một email gửi cho bà A và ông K xác nhận việc con trai ông bà đã biết được mâu thuẫn giữa bố mẹ, biết được bà A đã nộp đơn ly dị giữa hai người và thể hiện mong muốn không còn cách nào khác để giải quyết mâu thuẫn này là tách rời hai bên, đề nghị Tòa án giải quyết nhanh chóng để cha mẹ không phải làm tổn thương nhau thêm nữa. Do đó, những lý do mà ông K đưa ra nhằm muốn đoàn tụ gia đình là không có cơ sở và không thuyết phục để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn của bà A đối với ông K là có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Có 02 (*hai*) con chung tên: Lê Ánh D, sinh ngày 06/7/1999 và Lê Phước Q, sinh ngày 27/6/2000: Đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3]. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4]. Về nợ chung: Hai bên xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Với những phân tích và nhận định trên:

Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ngọc A ly hôn với ông Lê Phước K.

- Về con chung: Có 02 (*hai*) con chung tên: Lê Ánh D, sinh ngày 06/7/1999 và Lê Phước Q, sinh ngày 27/6/2000: Đều đã thành niên

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Hai bên xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí của vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042302 ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền K cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền K cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- UBND Phường M, quận Phú Nhuận, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hương Giang